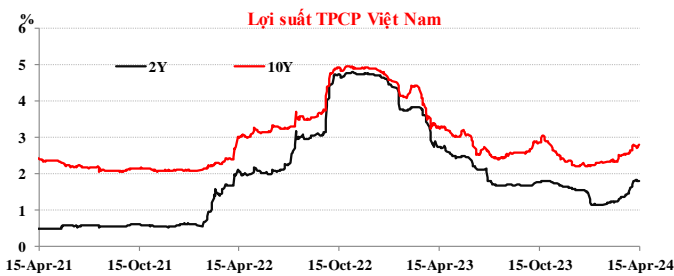


Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	4.63	0.37	5.26	0.00	3Y	1.83	0.004
1W	4.68	0.42	5.33	0.01	5Y	2.10	0.022
2W	4.68	0.32	5.40	0.00	7Y	2.31	0.025
1M	4.58	0.16	5.41	0.00	10Y	2.80	0.034
2M	4.55	0.11	5.50	0.00	15Y	2.98	0.016
3M	4.55	0.13	5.53	-0.03			
6M	4.53	0.03	5.62	-0.01			
9M	4.71	-0.02	5.70	0.00			
1Y	5.20	-0.13	5.73	-0.01			

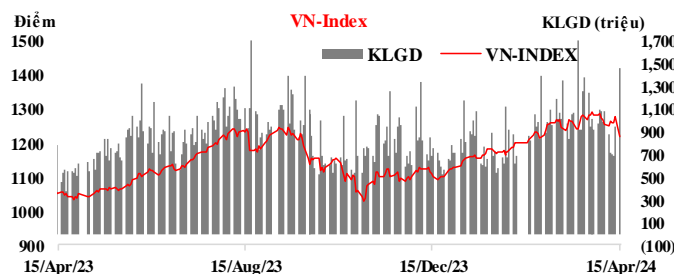


Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN 15/04/2024

Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	10,000.00	11,999.90	-	11,999.90	21,999.89
Sell Outright	-	2,800.00	14,999.90	12,199.90	110,850.00
<b>Tổng</b>				<b>24,199.80</b>	

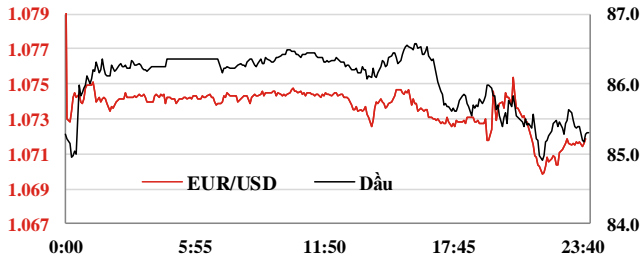
Chứng khoán ngày 15/04/2024

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1216.61	229.71	88.98
%/ngày	-4.70%	-4.82%	-2.44%
%/29/12/2023	7.7%	-0.6%	2.2%
KLGD (tr.đ.vị)	1455.86	163.26	67.2
GTGD (tỷ đ)	33567.75	3483.89	822.80
NDINN mua (tỷ đ)	1291848	151.18	31.47
NDINN bán (tỷ đ)	2562027	95.57	14.05



## Tin trong nước ngày 15/04

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 15/04, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.096 VND/USD, tăng mạnh 14 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.180 VND/USD, tăng mạnh 160 đồng so với phiên 12/04. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở chiều mua vào trong khi tăng 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.450 VND/USD và 25.550 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 15/04, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng mạnh 0,16 – 0,42 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 4,63%; 1W 4,68%; 2W 4,68% và 1M 4,58%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W; giao dịch tại: ON 5,26%; 1W 5,33%; 2W 5,40%, 1M 5,41%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở tất cả các kỳ hạn; chốt phiên ở mức: 3Y 1,83%; 5Y 2,10%; 7Y 2,31%; 10Y 2,80%; 15Y 2,98%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 12.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Có 11.999,9 tỷ đồng trúng thầu. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 2.800 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất tăng lên mức 3,59%. Có 14.999,9 tỷ đồng tín phiếu đảo hạn phiên hôm qua. Như vậy, NHNN bơm ròng 24.199,8 tỷ đồng ra thị trường trong phiên hôm qua, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường giảm xuống mức 110.850 tỷ đồng, có 21.999,89 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.
- Thị trường chứng khoán:** Phiên hôm qua, các chỉ số lao dốc, VN-Index có phiên giảm điểm mạnh nhất gần 2 năm. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm mạnh 59,99 điểm (-4,70%) xuống 1.216,61 điểm; HNX-Index sụt 11,62 điểm (-4,82%) còn 229,71 điểm; UPCoM-Index mất 2,23 điểm (-2,44%) về mức 88,98 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức rất cao với giá trị giao dịch đạt gần 37.900 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng mạnh hơn 1.270 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- NHNN cho biết, cơ quan này đã hoàn tất khâu chuẩn bị cho việc đấu thầu vàng miếng nhằm tăng nguồn cung vàng ra thị trường.** Thông tin cụ thể hơn, NHNN cho biết, sẽ gửi thông báo đấu thầu trước 1 ngày đấu thầu. Sau khi công bố giá sàn, TCTD và doanh nghiệp kinh doanh vàng có 30 phút để quyết định khối lượng và giá mua. 01 tiếng sau khi đóng thầu, NHNN sẽ công bố kết quả. Các DN sẽ phải đặt cọc để tham gia đấu thầu, muộn nhất vào 17h ngày nhận thông báo thầu. Hiện có 26 đơn vị bao gồm cả NHTM và DN kinh doanh vàng thiết lập quan hệ giao dịch vàng miếng với NHNN. Trong đó, đến thời điểm này có khoảng 15 đơn vị đủ điều kiện tham gia đấu thầu. Loại vàng được đấu thầu là vàng miếng SJC. Phiên đấu thầu vàng miếng đầu tiên được tổ chức vào ngày 28/03/2013. Trong năm 2013, NHNN đã tổ chức 76 phiên đấu thầu bán vàng miếng với tổng khối lượng trúng thầu là 1.819.900 lượng trên tổng số 1.932.000 lượng chào thầu.

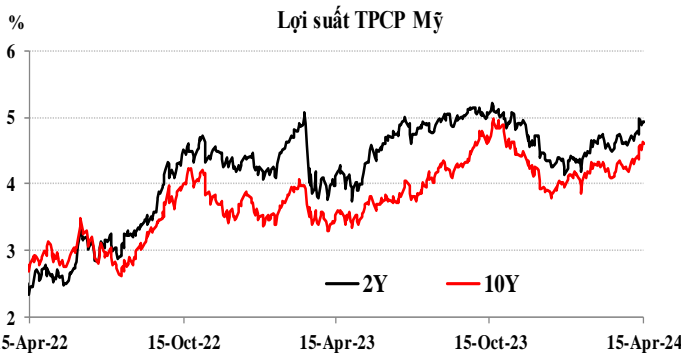


	15 Apr 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	106.20	0.16%	1.98%	4.81%
USD/CNY	7.24	0.01%	0.10%	1.97%
USD/EUR	0.94	0.19%	2.22%	3.90%
USD/JPY	154.27	0.65%	1.63%	9.36%
USD/KRW	1386.91	0.52%	2.45%	7.15%
USD/SGD	1.36	0.07%	1.11%	3.27%
USD/TWD	32.42	0.40%	1.04%	5.66%
USD/THB	36.72	0.47%	0.03%	6.90%
USD/VND Trung tâm	24096	0.06%	0.24%	0.96%
USD/VND LNH	25180	0.64%	0.87%	3.84%
USD/VND tự do	25478	0.14%	0.29%	2.98%
Vàng	2382.51	1.67%	1.86%	15.51%
Dầu WTI	85.41	-0.29%	-1.18%	19.20%

## Tin quốc tế

- Nước Mỹ đón một số chỉ báo kinh tế quan trọng, nổi bật là thị trường bán lẻ tăng trưởng tích cực.** Văn phòng Thống kê Mỹ cho biết doanh số bán lẻ toàn phần và doanh số bán lẻ lõi tại nước này lần lượt tăng 0,7% và 1,1% m/m trong tháng 3 sau khi cùng tăng 0,6% ở tháng trước đó, đồng thời cùng cao hơn mức tăng 0,4% và 0,5% theo dự báo của các chuyên gia. So với cùng kỳ năm 2023, doanh số bán lẻ toàn phần tại Mỹ tăng khoảng 4,0% y/y trong tháng vừa qua, cao hơn khá nhiều so với 2,1% y/y của tháng 2. Tiếp theo, chỉ số sản xuất Empire State (đánh giá tình hình kinh doanh tại New York) do Fed khảo sát được ở mức -14,3 điểm trong tháng 4, tăng lên từ mức -20,9 điểm của tháng 3 tuy nhiên vẫn chưa đạt mức -5,2 điểm theo dự báo. Các chỉ số thành phần cho thấy lượng đơn đặt hàng mới giảm đáng kể, số lượng việc làm và số giờ làm việc của người lao động cùng giảm xuống. Mặc dù các công ty kỳ vọng điều kiện kinh doanh sẽ được cải thiện trong 6 tháng tới, nhưng vẫn lo ngại về những tác động bất ngờ nếu rủi ro địa chính trị bị đẩy lên cao và lạm phát dai dẳng.
- Sản lượng công nghiệp tại Eurozone có sự hồi phục trong tháng 3.** Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu cho biết sản lượng công nghiệp tại khu vực Eurozone tăng 0,8% m/m trong tháng 2 sau khi giảm mạnh 3,0% ở tháng trước đó, khớp với con số dự báo của Reuters. So với cùng kỳ năm 2023, sản lượng công nghiệp tăng khoảng 3,0% y/y. Tại khu vực EU nói riêng, mức tăng của tháng 2 lần lượt là 0,8% m/m và 5,4% y/y.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
15-04	19:30	***	Doanh số bán lẻ lõi Mỹ mm T3	1.1	0.5	0.6
15-04	19:30	***	Doanh số bán lẻ toàn phần Mỹ mm T3	0.7	0.4	0.6
15-04	19:30	***	Chỉ số sản xuất Empire State Mỹ T4	-14.3	-5.2	-20.9
16-04	9:00	***	Sản lượng công nghiệp Trung Quốc yy T3		6.0	7.0
16-04	9:00	**	GDP Trung Quốc quý Q1		4.8	5.2
16-04	9:00	**	Doanh số bán lẻ Trung Quốc yy T3		5.1	5.5
16-04	13:00	***	Thay đổi trợ cấp thất nghiệp tại Anh		17.2K	16.8K
16-04	13:00	**	Thu nhập bình quân tại Anh 3m/y T3		5.5	5.6
16-04	20:15	**	Sản lượng công nghiệp Mỹ mm T3		0.4	0.1



### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	1/5/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	6/6/2024
Anh	GBP	5,00%	5,25%	3/8/2023	9/5/2024
Nhật	JPY	-0,10%	0,10%	19/3/2024	26/4/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35%	8/11/2023	6/5/2024

# Thị trường chứng khoán

## VN-INDEX



VN-Index lao dốc, đóng cửa tại 1.216,61 điểm. Thị trường cho thấy tình trạng bán tháo trong phiên hôm qua khi biên độ giảm lớn và thanh khoản cũng rất cao với gần 1,5 tỷ cổ phiếu được giao dịch. Đà giảm có thể sẽ tiếp diễn, tuy nhiên VN-Index có khả năng sẽ sớm tìm thấy điểm cân bằng ngắn hạn.

### NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội  
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

**Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm**  
Email: ninhnh1@msb.com.vn

**Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích**  
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)